

Bản án số: **81/2018/HC-PT**

Ngày 31 tháng 5 năm 2018

V/v: Khiếu kiện quyết định áp dụng
biện pháp khắc phục hậu quả do vi
phạm hành chính gây ra và quyết định
giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Bá Sơn**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự**

Ông **Nguyễn Xuân Điền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên cao cấp.

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 69/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2017 về “*Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra và quyết định giải quyết khiếu nại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 43/2017/HC-ST ngày 25 - 9 - 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69A/2018/QĐ - PT ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ: Xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư **Lê Thị G** – Cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Tử M** – Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 16/UQ-UBND ngày 14-3-2018) – Có yêu cầu xét xử vắng mặt (đơn ngày 21-5-2018).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn A**; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị T, trình bày:

Năm 1990, tôi có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Xuân C một thửa đất diện tích 840m² (chiều dài 70m, chiều rộng 12m) ở thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí: Đông giáp đất bãi cỏ hoang, Tây giáp đường rẫy, Nam giáp bãi cỏ hoang, Bắc giáp đường QL14. Thửa đất này do ông Đặng Xuân C tự khai hoang trước đó, khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tờ, không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng có ông Lê Văn Đ là người làm chứng. Đến năm 1994, tôi có dựng 01 căn nhà gỗ trên đất để ở và buôn bán.

Năm 2005, UBND xã E đến và cho rằng tôi chiếm đất của Cụm Công nghiệp T, đòi dỡ nhà và đuổi tôi ra khỏi nhà. Tôi không đồng ý vì đất này do tôi nhận chuyển nhượng và làm nhà ở ổn định từ năm 1994 không có ai tranh chấp. Đến ngày 14/01/2010, UBND huyện E ban hành Quyết định số: 142/QĐ - UBND về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra. Không đồng ý, tôi đã khiếu kiện hủy bỏ quyết định này, ngày 26/4/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên hủy quyết định số: 142/QĐ-UBND nói trên. Sau đó, tôi nhận được Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của Chủ tịch UBND huyện E về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Ngày 03/6/2013, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số: 1130/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Đến ngày 13/11/2013, Chủ tịch UBND huyện E thực hiện cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ nhà cửa, cây cối trong lúc tôi đang điều trị tại Bệnh viện Y học dân tộc cổ truyền tỉnh Đắk Lắk. Việc Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số: 1762/QĐ-UBND về việc sửa đổi một số nội dung Quyết định: 1130/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của Chủ tịch UBND huyện E, tôi không biết.

Không đồng ý, ngày 22/12/2016 tôi đã làm đơn khiếu nại lên UBND huyện E, ngày 02/3/2017 Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số: 427/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của tôi với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại.

Nay, tôi khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk hủy các Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 13/02/2012, về việc “Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số: 1130/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số: 427/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của tôi với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại. Tôi yêu cầu UBND huyện E khôi phục lại tình trạng ban đầu của tôi về tài sản, vật kiến trúc và trả lại đất cho tôi theo quy định của pháp luật. Hoặc cấp cho tôi một lô đất mặt tiền trên quốc lộ 14 và bồi thường tài sản nhà, các vật dụng và cây cối trên đất số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T xin được rút một phần đơn khởi kiện đối việc yêu cầu UBND huyện E bồi thường số tiền 260.000.000 đồng.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện E. Người đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Tử Minh - Phó chủ tịch UBND huyện E trình bày:

Theo quyết định số: 771/QĐ-UB ngày 12/4/1999 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao 7.086,20 ha đất (thu hồi lâm trường E) cho UBND huyện E quản lý và bố trí sử dụng. Quyết định số: 880/QĐ-UB ngày 24/6/2004 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 206,6 ha đất của BQL dự án rừng phòng hộ quốc lộ 14 giao cho UBND huyện E quản lý. Biên bản về việc đình chỉ xây dựng công trình kiên trúc nhà ở trong khu quy hoạch cụm công nghiệp. Biên bản làm việc ngày 22/6/2005 về việc yêu cầu bà T tự tháo dỡ di dời vật kiến trúc ra lô đất khu quy hoạch khu công nghiệp. Biên bản vi phạm hành chính ngày 30/5/2005 thì bà T, có ý kiến “Tôi xin được ở lại buôn bán một thời gian, khi nhà nước có chủ trương xây dựng công trình tôi xin tự tháo dỡ tôi xin chấp hành mọi thủ tục của Nhà nước”. Quyết định số: 205/QĐ-UBND ngày 18/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy hoạch xây dựng cụm Công nghiệp T E. Quyết định số: 2484/QĐ-UBND ngày 23/9/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi tổng thể 316.211m² đất của các hộ sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng Cụm công nghiệp T - E. Theo Quyết định số: 2485/QĐ-UBND ngày 23/9/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho Công ty cổ phần quản lý Cụm Công nghiệp T - E thuê diện tích đất 399.357m² để thực hiện Dự án xây dựng Cụm Công nghiệp T - E, Trong đó có diện tích đất mà bà T khai là 840m² (Chiều dài 70m, chiều rộng 12m) ở xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vị trí: Đông giáp đường QL 14, Tây giáp xưởng chế biến, Nam giáp cây xăng dầu Nam Tây Nguyên (đã di dời trả lại hiện trạng cho Công ty T), Bắc giáp đường đi vào xưởng chế biến. Việc giao đất cho thuê được thực hiện giữa UBND tỉnh

Đất Lắc với CTCPQL cụm Công nghiệp T đã được cưỡng chế giao lại cho Công ty cổ phần quản lý Cụm công nghiệp T - E quản lý, sử dụng.

Ngày 13/12/2011, UBND xã E lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị T về hành vi lấn chiếm, sau khi kiểm tra thực địa thì diện tích đất lấn chiếm 998,82m² của Công ty cổ phần quản lý cụm công nghiệp T - E được UBND tỉnh Đắk Lắk cho thuê tại Quyết định số: 2485/QĐ-UBND ngày 23/9/2008. Trên cơ sở Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của UBND xã E lập ngày 30/5/2005 đối với bà Nguyễn Thị Trâm. Chủ tịch UBND huyện E đã ban hành Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T và UBND huyện E đã ban hành Thông báo số: 105/TB-UBND ngày 12/4/2012 yêu cầu bà T tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất lấn chiếm tại thôn 4, xã E, thời hạn thực hiện đến hết ngày 21/4/2012.

Tuy nhiên, hết thời gian yêu cầu theo Thông báo số: 105 ngày 12/4/2012 của UBND huyện E nhưng bà T vẫn không chấp hành. Trước khi cưỡng chế UBND huyện E và UBND xã E đã nhiều lần mời bà T lên làm việc, vận động thuyết phục bà T chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trả lại đất, đồng thời rà soát điều kiện hoàn cảnh gia đình bà Nguyễn Thị T để xem xét hỗ trợ đất ở cho gia đình bà T theo diện chính sách. Qua xác minh, thẩm tra cho thấy bà T là đối tượng có công với nhà nước được tặng thưởng Huân chương và chính sách của nhà nước, nhưng bà T hưởng chế độ chính sách lại tỉnh Quảng Ngãi.

Để đảm bảo chỗ ở cho bà T sau khi bị cưỡng chế thu hồi đất, UBND huyện E đã mời bà T lên làm việc và bố trí cho gia đình bà T 01 lô đất ở. Nhưng bà T đề nghị UBND huyện E đền bù tài sản trên đất và cấp cho bà 01 lô đất tái định cư mặt tiền đường QL14. Bà T chỉ đồng ý khi cấp đất và đền bù tài sản trên đất thì mới di dời trả lại đất lấn chiếm cho Nhà nước. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số: 1130/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T.

Trước khi tiến hành cưỡng chế UBND xã E có ra thông báo số: 96/TB-UBND ngày 12/11/2013 về việc tự tháo dỡ nhà ở, công trình xây dựng và cây trồng trên diện tích đất chiếm của khu quy hoạch cụm công nghiệp T - E đối với hộ bà Nguyễn Thị T.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện E ban hành quyết định số: 290/QĐ- UBND ngày 13/02/2012, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện E và Quyết định số:

1130/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T trú tại xã E, huyện E là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của pháp luật.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị T yêu cầu khắc phục lại tình trạng ban đầu về tài sản, vật kiến trúc và trả lại đất cho bà T theo quy định của pháp luật là không có cơ sở. Vì diện tích đất này là của Công ty cổ phần quản lý Cụm công nghiệp T - E quản lý, sử dụng đã được UBND tỉnh Đắk Lắk cho thuê tại Quyết định số: 2485/QĐ - UBND ngày 23/9/2008. Hiện nay đối với khu đất này, UBND tỉnh Đắk Lắk đã thay đổi Công ty cổ phần quản lý Cụm công nghiệp T giao lại cho UBND huyện E quản lý và thực hiện theo quy hoạch cụm công nghiệp Ea Ral để thực hiện các ngành nghề. Việc bà T yêu cầu UBND huyện E cấp cho bà T một lô đất ở mặt tiền quốc lộ 14 và bồi thường số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng), UBND huyện E không chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã E - Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Văn Á trình bày:

Trước khi tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T trú tại thôn 4, xã E, huyện E. UBND huyện E có chỉ đạo cho UBND xã E kiểm tra lại quỹ đất của xã E để bố trí đất ở cho bà Nguyễn Thị T, thì UBND xã E có mời bà T và anh Q (con bà T) đi xem xét thực địa. Sau khi xem xong vị trí lô đất thì anh Q và bà T không đồng ý vị trí lô đất mà xã dự kiến để cấp cho bà T, UBND xã báo cáo lại cho UBND huyện E. Do vậy, UBND huyện E tổ chức cưỡng chế, việc anh Q cho rằng tôi nói bà T nhận đất thì phải trả tiền là không đúng vì tôi không nói câu nói trên.

Nhân chứng:

Anh Võ Đình Q trình bày: Tôi có quan hệ với bà Nguyễn Thị T là mẹ con, ngày 08/5/2013, tôi cùng mẹ tôi (bà T) và đại diện UBND xã E là ông Lê Văn Acùng đi xem đất ở tại thực địa. Trước khi đi ông A có đưa cho tôi một tờ bản đồ trích lục thửa đất bảo tôi ký nhưng tôi không ký, sau đó tôi và mẹ tôi đi cùng với ông A ra thực địa xem đất, Thì thấy đất ở lô 2 song song với đường quốc lộ 14 chứ không phải mặt tiền quốc lộ 14 và ông A có nói “*Bà nhận đất này phải trả tiền*”, nên mẹ tôi không nhận đất.

Ngày 31/8/2017, Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của bà T đã bị cưỡng chế dỡ bỏ tổng trị giá là: 7.408.000 đồng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 43/2017/HC-ST ngày 25 - 9 - 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, điểm b khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy các Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 13/02/2012 của Chủ tịch UBND huyện E về việc Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số: 1130/QĐ-UBND ngày 03/6/2013 của Chủ tịch UBND huyện E về việc Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện E, Đắk Lắk; Quyết định số: 427/QĐ-UBND ngày 02/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Trâm trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Đình chỉ đơn đề nghị khởi kiện bổ sung ngày 23/8/2017 bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu UBND huyện E bồi thường trị giá tài sản bị cưỡng chế và diện tích đất đo đạc thực tế theo giá thị trường, tổng số tiền 260.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09-10-2018, người khởi kiện bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 12-4-1999, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 771/QĐ-UBND về việc thu hồi 7.086,20ha đất của lâm trường E giao UBND huyện E quản lý, bố trí sử dụng. Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24-6-2004 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về thu hồi 206,6ha đất của Ban quản lý dự án rừng phòng hộ Quốc lộ 14 giao UBND huyện E quản lý. Theo Biên bản làm việc ngày 22-6-2005 và Biên bản xử phạt hành chính ngày 30-5-2005; ý kiến của bà Nguyễn Thị T như sau: *“Tôi xin được ở lại buôn bán một thời gian, khi nhà nước có chủ trương xây dựng công trình tôi xin tự tháo dỡ, tôi xin chấp hành mọi thủ tục của Nhà nước”*.

Quyết định số 2484/QĐ-UBND và Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 23-9-2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về thu hồi giao cho Công ty cổ phần quản lý cụm công nghiệp T – E thuê đất, có diện tích 998,82m² mà bà Nguyễn Thị T đang lấn chiếm sử dụng tại thôn 4, xã E. Bà T cho rằng: Diện tích đất nói trên bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân T nhưng không có căn cứ, chứng cứ nào.

Sau khi cưỡng chế thu hồi đất, UBND huyện E mời bà T lên làm việc; mục đích: Bố trí cho hộ bà T một lô đất ở thuộc quỹ đất của xã E. Tuy nhiên hộ bà T yêu cầu đền bù tài sản trên đất và cấp một lô đất tái định cư mặt tiền đường 14. Hai bên không thống nhất được về cấp đất làm chỗ ở cho gia đình bà T.

Căn cứ các Quyết định giao đất, biên bản xử lý vi phạm hành chính ngày 13-12-2011 của UBND xã E. Trên cơ sở này, tại Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 13-02-2012 của Chủ tịch UBND huyện E về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra, đối với bà Nguyễn Thị T là các quyết định hành chính được ban hành hợp pháp, đúng pháp luật.

Tại Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 02-3-2017, Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị T, với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T đối với các Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 13-02-2012 và Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 03-6-2013 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk là hợp pháp, đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy các Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 13-02-2012, Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 03-6-2013, Quyết định 427/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị T không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí: Xét thấy rằng, bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi và là người có công cách mạng. Trong lời phát biểu tại phiên Tòa hôm nay, Luật sư đề nghị miễn án phí toàn bộ cho bà T. Bà T đồng ý với ý kiến nêu trên của Luật sư. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà T.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 30, 32, 116, 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 13-02-2012, Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 03-6-2013, Quyết định 427/QĐ-UBND ngày 02-3-2017 của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của bản án sơ thẩm về việc “Đình chỉ đơn đề nghị khởi kiện bổ sung ngày 23-8-2017 của bà Nguyễn Thị T” giữ nguyên.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải nộp án phí sơ thẩm, phúc thẩm hành chính. Hoàn trả các khoản tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T theo biên lai số AA/2016/0001159 ngày 12-4-2017; biên lai số AA/2016/0001733 ngày 16-10-2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn